

Số: 218 /TB-KYD

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 4 năm 2024

THÔNG BÁO
V/v thu học phí năm học 2023-2024

Thực hiện Thông báo số 675/TB-ĐHĐN, ngày 07/01/2024 và Thông báo số 1243/TB-ĐHĐN về mức thu học phí năm học 2023-2024 tại các đơn vị đào tạo thuộc, trực thuộc Đại học Đà Nẵng, Khoa Y-Dược triển khai thu học phí bổ sung học kì 01 và học kì 02 năm học 2023-2024 cụ thể như sau:

I. Mức thu: (có phụ lục chi tiết kèm theo)

II. Hình thức, thời gian và địa điểm nộp:

1. Hình thức nộp: Chuyển khoản

2. Thông tin chuyển khoản:

Đơn vị thụ hưởng: **Đại học Đà Nẵng**

Số tài khoản: **118000048237**

Ngân hàng Vietinbank, Chi nhánh Đà Nẵng

3. Thời gian:

Từ ngày ra thông báo đến hết ngày 30/6/2024

Nội dung chuyển khoản: <Mã sinh viên> <Họ tên> <Lớp> <HP 23-24>

4. Lưu ý:

Sinh viên kiểm tra và nộp đủ số tiền theo như thông báo (đến từng số lẻ)

Mọi thắc mắc xin liên hệ cô Quỳnh Như, SĐT: 0905.725.527; cô Mỹ Linh,

SĐT: 0906.442.648

Nơi nhận:

- Tổ Đào tạo, Tổ CTSV (để phối hợp);
- GVCN và sinh viên các lớp;
- Lưu: VT, HCTH.



TRƯỞNG KHOA

TS.BS. Lê Viết Nho

PHỤ LỤC MỨC THU HỌC PHÍ NĂM HỌC 2023-2024
(Kèm theo Thông báo số 218/TB-KYD, ngày 05 tháng 4 năm 2024)

A. HỆ CHÍNH QUY ĐẠI TRÀ

STT	Chuyên ngành	Khóa	Học kì 1 năm học 2023-2024						Chênh lệch còn phải nộp	Học kì 2 năm học 2023-2024			Tổng số tiền phải nộp
			Tạm thu theo ND 81			Mức thu theo TB 675, 1243/TB-DHĐN				Số tín chỉ	Đơn giá	Thành tiền	
			Số tín chỉ	Đơn giá	Thành tiền	Số tín chỉ	Đơn giá	Thành tiền					
			1	2	3=1*2	4	5	6=4*5		7=6-3	8	9	10=8*9
1	Y Đa Khoa	18	12	383.300	4.599.600	12	635.556	7.626.672	3.027.072	20	635.556	12.711.120	15.738.192
		19	17	383.300	6.516.100	17	644.144	10.950.448	4.434.348	17	644.144	10.950.448	15.384.796
		20	20	383.300	7.666.000	20	644.144	12.882.880	5.216.880	21	644.144	13.527.024	18.743.904
		21	17	383.300	6.516.100	17	644.144	10.950.448	4.434.348	20	644.144	12.882.880	17.317.228
		22	18	383.300	6.899.400	18	644.144	11.594.592	4.695.192	20	644.144	12.882.880	17.578.072
		23	18	383.300	6.899.400	18	644.144	11.594.592	4.695.192	20	644.144	12.882.880	17.578.072
2	Răng Hàm Mặt	18	11	431.979	4.751.769	11	711.443	7.825.873	3.074.104	11	711.443	7.825.873	10.899.977
		19	18	431.979	7.775.622	18	725.888	13.065.984	5.290.362	16	725.888	11.614.208	16.904.570
		20	20	431.979	8.639.580	20	725.888	14.517.760	5.878.180	14	725.888	10.162.432	16.040.612
		21	17	431.979	7.343.643	17	725.888	12.340.096	4.996.453	18	725.888	13.065.984	18.062.437
		22	18	431.979	7.775.622	18	725.888	13.065.984	5.290.362	20	725.888	14.517.760	19.808.122
		23	19	431.979	8.207.601	19	725.888	13.791.872	5.584.271	19	725.888	13.791.872	19.376.143
3	Dược học	19	19	376.595	7.155.305	19	632.979	12.026.601	4.871.296	13	632.979	8.228.727	13.100.023
		20	21	376.595	7.908.495	21	632.979	13.292.559	5.384.064	20	632.979	12.659.580	18.043.644
		21	21	376.595	7.908.495	21	632.979	13.292.559	5.384.064	21	632.979	13.292.559	18.676.623
		22	21	376.595	7.908.495	21	632.979	13.292.559	5.384.064	19	632.979	12.026.601	17.410.665
		23	16	376.595	6.025.520	16	632.979	10.127.664	4.102.144	17	632.979	10.760.643	14.862.787
4	Điều dưỡng	20	17	386.986	6.578.762	17	486.301	8.267.117	1.688.355	10	486.301	4.863.010	6.551.365
		21	16	386.986	6.191.776	16	486.301	7.780.816	1.589.040	18	486.301	8.753.418	10.342.458
		22	21	386.986	8.126.706	21	486.301	10.212.321	2.085.615	22	486.301	10.698.622	12.784.237
		23	21	386.986	8.126.706	21	522.000	10.962.000	2.835.294	16	522.000	8.352.000	11.187.294
5	Kỹ thuật xét nghiệm	23	1	7.150.000	7.150.000	17	529.851	9.007.467	1.857.467	16	529.851	8.477.616	10.335.083

B. LƯU HỌC SINH LÃO, CAMPUCHIA

STT	Chuyên ngành	Khóa	Học kì 1 năm học 2023-2024			Học kì 2 năm học 2023-2024	
			Số tiền			Số tiền	Tổng số tiền phải nộp
			Tạm thu theo ND 81	Mức thu theo TB 675/TB-DHĐN	Chênh lệch		
			1	2	3=2-1	4	5=3+4
1	Y- Dược	19,20,21,22,23	10.725.000	18.375.000	7.650.000	18.375.000	26.025.000

Handwritten signature